
Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày 05 tháng 02 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Xuân Thái.
Ông Hà Xuân Ninh.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/HSST, ngày 15/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh C, tên gọi khác: Đ, sinh năm 1997 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; con Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị H; vợ con chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 15/9/2014 bị Công an xã G, huyện G xử phạt vi phạm hành chính 250.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 15/5/2015 bị Công an huyện G xử phạt hành chính số tiền là 1.250.000 đồng về hành vi “Xâm phạm sức khỏe của người khác”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Lịch sử bản thân:

Ngày 27/7/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong Bản án ngày 29/4/2016.

Ngày 30/6/2014, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 300.000 đồng về hành vi “Ném gạch đá vào người khác”. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 15/12/2010.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 15/12/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Lê Huyền Đ, sinh năm 1998- Có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987- Vắng mặt.

Trú tại: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh C và Lê Huyền Đ, sinh năm 1998, trú tại thôn V, xã G, huyện G là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 13/12/2017, C đi bộ từ nhà mình đến quán Internet của anh Vũ Văn T, sinh năm 1989 ở thôn V, xã G, huyện G để chơi điện tử. Khi vào trong quán, C thấy anh Lê Huyền Đ đang chơi điện tử trong quán. C đến chỗ anh Đ đang ngồi chơi và nói “Cho anh mượn điện thoại, anh mượn gọi một tý”. Anh Đ đồng ý và đưa cho C 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6-32G màu vàng Gold để C mượn. Sau đó C cầm chiếc điện thoại mượn được của anh Đ đi ra phía sau quán Internet gọi điện cho chị Hoàng Thị N, sinh năm 1996, trú tại thôn G, xã G (là bạn gái của C) nhưng không gọi được nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ để bán lấy tiền tiêu sài. C bỏ chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng Gold vào túi quần phía trước bên phải mà mình đang mặc rồi đi vòng ra phía sau quán Internet và bỏ đi. Khoảng 5 phút sau, anh Đ mượn điện thoại của anh T gọi vào số thuê bao của mình; C nghe máy, anh Đ nói “Anh đang đâu đấy, trả điện thoại lại cho em”, C trả lời “Ra cổng trường cấp 2 G mà lấy” nhưng C không đến trả điện thoại cho anh Đ. Anh Đ tiếp tục gọi đến thì C không nghe và tắt máy. Quá trình sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6 của anh Đ, C đã tháo miếng dán màn hình và miếng dán lưng điện thoại vát đi. Khoảng 20 giờ ngày 14/12/2017, C đi bộ đến cửa hàng mua bán điện thoại di động Quỳnh Mobile của anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987, ở thôn G, xã G, huyện G để bán chiếc điện thoại di động Iphone 6 của anh Đ với giá 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ của C số tiền 2.000.000 đồng là tiền C vừa bán chiếc điện thoại di động cho anh Q; anh Q đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 32G màu vàng Gold, 01 chiếc ốp lưng điện thoại, 01 thẻ sim điện thoại Viettel. Ngày 14/12/2017 anh Lê Huyền Đ đã gửi đơn đề nghị giải quyết.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Mạnh C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT- VKS, ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt***”

tài sản”. Áp dụng Điều 140 khoản 1 điểm a; Điều 46 khoản 1 điểm b, p; Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2017.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Người bị hại không tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

Về tố tụng: - Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện G đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản; ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định khởi tố bị can; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định phân công Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự; quyết định phân công điều tra viên, cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự; ra lệnh bắt bị can để tạm giam; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; ra lệnh nhập kho vật chứng, phiếu nhập kho vật chứng; lập biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, ra quyết định xử lý vật chứng; lập biên bản trả lại đồ vật, tài liệu; khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng khác đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, giải thích quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng khác; ra bản kết luận điều tra; tiến hành lập biên bản bàn giao các văn bản tố tụng cho bị can, người tham gia tố tụng khác, bàn giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện G đều đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; ra quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam bị can; tiến hành giao Cáo trạng cho bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Q vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc có quen biết từ trước với anh Lê Huyền Đ nên khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 13/12/2017, khi bị cáo gặp anh Lê Huyền Đ tại quán Internet của anh Vũ Văn T ở thôn V, xã G đang chơi điện tử nên bị cáo đến mượn điện thoại di động của anh Đ để gọi điện. Anh Đ đã lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6 32G màu vàng Gold của mình đưa cho bị cáo mượn. Bị cáo cầm điện

thoại đi ra phía sau quán Internet để gọi điện cho chị Hoàng Thị N (là bạn gái bị cáo) nhưng không gọi được. Lẽ ra sau khi không gọi được điện thoại, bị cáo phải trả lại cho anh Đ, nhưng bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh Đ nên bị cáo đã bỏ chiếc điện thoại mượn được của anh Đ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi đi vòng ra phía sau quán Internet và bỏ đi không trả lại điện thoại cho anh Đ nữa. Sau đó anh Đ đã mượn điện thoại của anh T là chủ quán Internet để gọi vào số thuê bao của mình thì thấy bị cáo nghe máy và bảo anh Đ đến công trường cấp 2 Gia Trán để lấy điện thoại nhưng bị cáo vẫn không đến đó trả lại điện thoại cho anh Đ. Anh Đ tiếp tục gọi điện đến thì bị cáo không nghe và tắt máy. Bị cáo đã tháo miếng dán màn hình và miếng dán ốp lưng điện thoại vất đi. Đến 20 giờ, ngày 14/12/2017 bị cáo đã mang chiếc điện thoại chiếm đoạt của anh Đ đến cửa hàng điện thoại di động của anh Phạm Văn Q để bán cho anh Q với giá 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Gia Viễn kết luận: Trị giá 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 32G màu vàng Gold là 6.800.000 đồng; 01 miếng dán lưng điện thoại là 39.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại là 39.000 đồng và 01 miếng dán màn hình điện thoại là 120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.998.000 đồng.

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi dựa vào mối quan hệ quen biết với anh Đ, thông qua việc mượn được tài sản của anh Đ, rồi cố tình không trả để chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh Lê Huyền Đ có giá trị theo bản kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Gia Viễn kết luận: Trị giá 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 32G màu vàng Gold là 6.800.000 đồng; 01 miếng dán lưng điện thoại là 39.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại là 39.000 đồng và 01 miếng dán màn hình điện thoại là 120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.998.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người đã thành niên, tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính để tiêu sài cá nhân dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay tuy đã được xóa án tích theo quy định tại điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015(Sửa đổi bổ xung năm 2017), nhưng điều đó cũng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, có thái độ coi thường pháp luật. Do đó cần phải phải có biện pháp xử lý nghiêm minh bằng cách, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để

cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, biết chấp hành kỷ cương, pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, trong quá trình điều tra vụ án, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Đức số tiền 100.000 đồng để khắc phục hậu quả, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, tại phiên tòa người bị hại cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ xung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại đã được nhận lại tài sản và số tiền gia đình bị cáo bồi thường, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ số tiền mua chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt được và không có yêu cầu gì khác. Do đó phân trách nhiệm dân sự không phải xử lý.

- **Về xử lý vật chứng:** Đối với 01 miếng dán màn hình và 01 miếng dán lưng điện thoại. Sau khi mượn điện thoại của anh Đ, bị cáo đã tháo và vứt đi, không xác định được vị trí, không truy tìm được nên không có căn cứ xử lý trong vụ án.

Đối với anh Phạm Văn Q khi mua chiếc điện thoại di động Iphone 6 32G màu vàng Gold của bị cáo, anh Q không biết nguồn gốc chiếc điện thoại di động trên là do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy anh Phạm Văn Q không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2017.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi liên quan
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc